

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 499/QĐ-UBND-HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 6 năm 2012

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CV ĐỀN Số: 1832...
Ngày: 25/6/12

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Cao Lãnh đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 56/BC-HĐTD, ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh tại Tờ trình số 36/TTr - UBND ngày 12 tháng 6 năm 2012; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 803/SKH-ĐT/TH ngày 15 tháng 6 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2020 (gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế bền vững dựa trên cơ sở các thế mạnh, lợi thế của huyện; huy động tối đa nội lực, thu hút mạnh các nguồn lực từ bên ngoài; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh; đầu tư phát triển toàn diện các lĩnh vực, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh đô thị hóa;

2. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại; liên doanh, liên kết với các địa phương trong và ngoài Tỉnh, các viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu khoa học để cùng hỗ trợ, hợp tác phát triển.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tích cực; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm - dịch vụ, các doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất.

4. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực; phát triển kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tốt môi trường; chủ động ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Huy động mọi nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân chung của Tỉnh.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nông thôn mới gắn với đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - đô thị theo hướng hiện đại.

- Gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội. Quan tâm phúc lợi xã hội, nâng dần mức sống dân cư.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao...

- Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 13,5%/năm giai đoạn 2011-2015 và 13%/năm giai đoạn 2016-2020, bình quân tăng 13,25% trong thời kỳ 2011-2020.

- GDP bình quân đầu người theo giá so sánh 1994 đạt 1.252 USD vào năm 2015 và 2.200 USD vào năm 2020 (quy đổi theo giá hiện hành khoảng 1.566 USD vào năm 2015 và 2.796 USD vào năm 2020).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Đến năm 2015, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 53,21%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 21,24%, và ngành thương mại - dịch vụ chiếm 25,55% tổng GDP; đến năm 2020, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 33,56%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 26,84% và ngành thương mại - dịch vụ chiếm 39,6% tổng GDP.

- Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 32,17% tổng GDP.

- Nâng cấp thị trấn Mỹ Thọ lên đô thị loại IV.

b) Về văn hóa - xã hội

- Dân số đến năm 2015 khoảng 206.703 người; đến năm 2020 khoảng 216.750 người.

- Đảm bảo 100% dân cư vùng ngập lũ có chỗ ở an toàn, với đầy đủ hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống và sinh hoạt; xây dựng 12 xã nông thôn mới.

- Giải quyết việc làm cho 7.000 lao động/năm; đến năm 2015 có 50%, năm 2020 có 68% lao động qua đào tạo; giảm 1,5% - 2% hộ nghèo mỗi năm; đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 10% (theo tiêu chí hiện hành).

- Hoàn thành phổ cập trung học theo độ tuổi ở thị trấn Mỹ Thọ vào năm 2015, đến năm 2020 đạt chuẩn phổ cập trung học toàn huyện.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 12,41% năm 2015 và 9,91% năm 2020.

- Đến năm 2020, có 90% gia đình đạt chuẩn văn hóa. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99% vào năm 2015 và 99,8% vào năm 2020. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2015, phần đầu 80% rác thải đô thị được thu gom, 100% rác thải y tế được xử lý; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ cam kết bảo vệ môi trường; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng mới có thiết bị bảo vệ môi trường theo quy định, 100% cụm công nghiệp có hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn.

- Đến năm 2020, 100% rác thải đô thị và rác thải y tế được thu gom; không còn tình trạng sử dụng nhà vệ sinh thông ra sông, rạch.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, tạo sản phẩm hàng hoá qui mô lớn, chất lượng cao, trên cơ sở phát huy các thế mạnh như: lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thuỷ sản, cây ăn trái. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm chủ lực, phần đầu tăng trưởng bình quân của ngành đạt 6,68%/năm, trong đó, giai đoạn 2011-2015 tăng 6,65%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng 6,70%/năm.

a) Giữ vững ổn định diện tích đất trồng lúa hàng năm khoảng 32.000 ha, phần đầu diện tích gieo trồng 76.206 ha, sản lượng 456.470 tấn. Tăng diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày và rau màu lên 7.200 ha, chú trọng phát triển cây đậu nành để tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến. Năm 2020, diện tích vườn đạt 5.670 ha.

b) Phát triển chăn nuôi tại các khu vực xa đô thị, chuyển dần sang hướng nuôi tập trung quy mô lớn hoặc trang trại, tích cực vệ sinh phòng dịch và bảo đảm môi trường nuôi. Đến năm 2020, phát triển đàn heo khoảng 40.000 con; trâu, bò 3.000 con và 2.000.000 con gia cầm.

c) Nâng diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 lên 2.130 ha.

d) Quy hoạch và triển khai xây dựng 12 xã nông thôn mới, đạt 70,5% số xã toàn huyện; 5 xã còn lại, phần đầu đạt 80% tiêu chí nông thôn mới. Tiếp tục di dân vùng sát lở đến nơi an toàn, bảo đảm không còn hộ dân thiểu chõ ở ổn định.

2. Về công nghiệp, xây dựng

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18,59%/năm.

a) Kêu gọi đầu tư xây dựng khu công nghiệp Ba Sao 150 ha; xây dựng cụm công nghiệp 3/2, thị trấn Mỹ Thọ. Đây mạnh mẽ tiến đầu tư, cơ bản lập đầy dự án tại 4 cụm công nghiệp hiện có và phần đầu đến năm 2020 kêu gọi các dự án đầu tư vào khu công nghiệp Ba Sao và 50% dự án trong cụm công nghiệp 3/2. Củng cố làng nghề dệt chiếu ở Bình Thành, phát triển thêm một số ngành nghề nông thôn.

b) Tập trung thực hiện các công trình trọng tâm, trọng điểm; xây dựng, chỉnh trang, sửa chữa các công trình công cộng, dân dụng, phúc lợi, các thiết chế văn hóa, các cụm dân cư giai đoạn 2, các khu tái định cư, nhà ở trong dân, nhà ở hộ nghèo, các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... đảm bảo mục tiêu, tiến độ theo kế hoạch.

3. Về phát triển thương mại - dịch vụ

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18,19%/năm.

a) Đầu tư xây dựng hoàn thành các hạng mục mở rộng chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp giai đoạn II, mở rộng chợ thị trấn Mỹ Thọ; kêu gọi đầu tư xây dựng siêu thị loại 2 tại thị trấn Mỹ Thọ và Mỹ Hiệp; xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Mê Kông, chợ chuyên doanh gia súc An Bình và 03 chợ nông thôn. Tổ chức tốt hệ thống đại lý cung ứng vật tư, hàng hoá phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nhân dân.

b) Phát triển đa dạng và đồng bộ các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đầu tư phát triển hạ tầng, kinh doanh đa dịch vụ tại các khu du lịch; kêu gọi đầu tư mở rộng khu Xeo Quýt, Gáo Giồng, Bình Thạnh, Chùa Bửu Lâm, các khách sạn, nhà hàng tại các xã Mỹ Long, Bình Thạnh, Mỹ Hiệp, khu nghỉ dưỡng tại Cù Lao, thị trấn Mỹ Thọ.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Đầu tư mở rộng đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung - Thanh Mỹ, đường cắp kênh Hội đồng Tường - Ngã Bảy - Bà Dư, đường Bảy Thước - Gáo Giồng, đường cắp kênh Bảy Thước; các tuyến đường nội ô thị trấn Mỹ Thọ, hệ thống cầu trên đường Quang Khánh - Phương Trà; bến xe tải thị trấn Mỹ Thọ và chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, điểm xe khách chợ kênh 15 Gáo Giồng, nghiên cứu đề xuất mở tuyến xe buýt Đường Thét - Thông Linh - Phong Mỹ - bến phà Miếu Trắng.

Thu hút đầu tư xây dựng Cầu Đá, xã Ba Sao và các tuyến giao thông nông thôn, bảo đảm đến năm 2020 cơ bản hoàn thành các công trình giao thông nông thôn theo các tiêu chí nông thôn mới; đầu tư xây dựng bến hàng hóa tại xã Phương Trà và bến tàu phục vụ khách du lịch; xây dựng bờ kè trung tâm thị trấn Mỹ Thọ, các công trình hạ tầng phục vụ nông nghiệp, thủy sản.

b) Thủy lợi

Nạo vét 4 công trình kênh trực chính, 49 kênh cấp 1 cùng với 474 công trình kênh cấp 2 và thủy lợi nội đồng, tổng chiều dài 1.071km, khối lượng 6,1 triệu m³. Nâng cấp 41 công trình bờ bao, khối lượng 1,9 triệu m³, diện tích phục vụ 9.721 ha; thí điểm kiên cố hóa một số công trình thuỷ lợi nội đồng tại các vùng sản xuất lúa, màu đạt hiệu quả.

c) Cấp điện, cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Xây dựng 164 km đường điện trung thế, 192 km đường điện hạ thế và 402 trạm biến áp, dung lượng 60.560 KVA, phục vụ cho các trạm bơm điện, cụm công nghiệp, sinh hoạt của người dân, đảm bảo đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,8%; cơ bản hoàn thành mục tiêu điện khí hóa nông thôn trên địa bàn; xây dựng thêm 66 trạm bơm điện, đảm bảo 90% diện tích cây trồng được tưới bằng máy bơm điện; xây dựng 39 trạm và nối 30 mạng cấp nước, đảm bảo 97% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh; phát triển hệ thống thoát, thu gom và xử lý nước thải, rác thải công nghiệp - đô thị.

d) Thông tin, liên lạc, truyền thông

Đến năm 2020, phần đầu 100% hộ dân có phương tiện nghe, nhìn; 100% địa bàn nông thôn được phủ sóng điện thoại di động; 12% hộ gia đình có máy

tính nối mạng internet, đạt 15,8 thuê bao/100 dân; tỷ lệ người sử dụng internet chiếm 25,3% tổng dân số; 100% các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị máy tính nối mạng.

5. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Xây dựng 51 trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện dạy tiếng Anh tại các trường phổ thông và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo các chỉ tiêu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2020, có 99% trường mầm non, 70% trường tiểu học, 50% trường trung học cơ sở, 100% trường trung học phổ thông dạy 2 buổi/ngày; 100% học sinh các cấp được dạy tiếng Anh.

Thực hiện và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non; phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi, tiến hành phổ cập trung học phổ thông tại thị trấn Mỹ Thọ; đến năm 2020, đạt tiêu chí giáo dục ở các xã nông thôn mới.

Đa dạng hóa loại hình giáo dục - đào tạo, tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường lớp, huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị thực hành; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; nâng cấp các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng.

b) Khoa học - công nghệ và môi trường

Ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các máy móc, vật liệu, công nghệ mới phục vụ sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Bảo vệ môi trường bền vững; đến năm 2020, tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 95% và rác thải y tế đạt 100%; tất cả các trạm y tế đều có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt và đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; không còn sử dụng nhà vệ sinh thông ra sông, rạch.

c) Dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Chú trọng chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; quan tâm công tác đào tạo cán bộ y, bác sĩ và giáo dục y đức trong lực lượng thầy thuốc. Đến 2020 đạt 4,35 bác sĩ/vạn dân, 50% trạm y tế có 2 bác sĩ, hệ thống y tế áp hoạt động ổn định; duy trì tiêm chủng miễn dịch đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 98%; giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi còn 5,2%, trẻ dưới 5 tuổi còn 8,65% năm 2020.

Nâng cấp bệnh viện đa khoa Huyện, với quy mô 170 giường bệnh vào năm 2020; tiếp tục xây dựng, nâng cấp các trạm y tế cơ sở; khuyến khích xây dựng 2 bệnh viện tư nhân, quy mô 50 giường năm 2020 (tại xã Phương Trà và xã Mỹ Hiệp).

Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược dân số giai đoạn 2011 - 2020; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,81% vào năm 2020, đảm bảo dân số năm 2020 khoảng 216.750 người.

d) Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Đến năm 2020, có 95% công sở; 90% hộ gia đình; 90% khóm, ấp; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn văn hóa và Huyện đạt chuẩn văn hóa. Hỗ trợ, kêu gọi xã hội hóa đầu tư phát triển 40 khu văn hóa gia đình; thành lập 115 câu lạc bộ thể dục - thể thao; dân số tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 30%; số hộ gia đình tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 25%.

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

Giải quyết việc làm cho 7.000 lao động/năm; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 10% vào năm 2020 theo tiêu chí mới (giảm 1,5% - 2%/năm); bảo đảm 100% người già cô đơn, người bệnh tật, trẻ em mồ côi... được trợ cấp nuôi dưỡng tại cộng đồng.

Thực hiện tốt chính sách chăm lo cho các gia đình chính sách và người có công; đảm bảo 100% gia đình chính sách có mức sống khá hơn mức trung bình nơi cư trú. Hoàn thành 17/18 nhà bia ghi tên liệt sĩ anh hùng tại các xã và nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Huyện.

Thực hiện các chương trình hành động vì trẻ em, xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em; hỗ trợ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Quốc phòng - an ninh

Đảm bảo sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự điều hành của chính quyền đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Củng cố, xây dựng lực lượng quân sự, công an cơ sở; quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật; giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và kiềm chế tại nạn giao thông trên địa bàn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển các vùng kinh tế kết hợp với phát triển đô thị

- **Vùng bắc kênh Nguyễn Văn Tiệp (gồm xã Gáo Giồng, Phường Thịnh, một phần xã Tân Nghĩa và phần lớn xã Ba Sao, Phong Mỹ):** tập trung phát triển sản xuất lúa, trồng tràm, nuôi gia súc - gia cầm, nuôi thủy sản, phát triển dịch vụ nông nghiệp, thương mại và du lịch.

- **Vùng nam kênh Nguyễn Văn Tiệp (gồm phần lớn xã Tân Nghĩa, một phần các xã Phong Mỹ, Ba Sao, Phường Trà, An Bình, Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, thị trấn Mỹ Thọ, Tân Hội Trung, Mỹ Xương, Mỹ Hội, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Mỹ Long, Mỹ Hiệp và xã cù lao Bình Thạnh):** tập trung phát triển sản xuất lúa, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, hoa màu, các loại rau củ, cây ăn trái, chăn nuôi gia súc - gia cầm, nuôi thủy sản, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống, thương mại - dịch vụ và du lịch.

- Tập trung phát triển đô thị, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, quy hoạch nâng cấp thị trấn Mỹ Thọ lên đô thị loại IV, xây dựng trung tâm xã Mỹ Hiệp thành đô thị loại V, nâng cấp các chợ xã: Phuong Trà, Bình Hàng Trung, Phong Mỹ, Tân Hội Trung thành thị tứ.

- Hoàn chỉnh hạ tầng và bố trí dân vào ở ổn định trong các cụm dân cư giai đoạn II tại các xã: Phuong Thịnh, Bình Hàng Trung và thị trấn Mỹ Thọ; xây dựng các tuyến, điểm dân cư: Quang Khánh - Phuong Trà; Miếu Trắng, xã Bình Thạnh; Cầu Đá, xã Phuong Trà và một số điểm, tuyến dân cư ven Quốc lộ, Tỉnh lộ đi qua địa bàn.

2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp, dịch vụ

Tập trung nâng cấp, mở rộng các cụm công nghiệp hiện có, phát triển thêm khu công nghiệp Ba Sao, cụm công nghiệp 3/2 (khi có điều kiện); kêu gọi đầu tư

phát triển các cơ sở dịch vụ, siêu thị, bệnh viện tư nhân, trung tâm thương mại, hệ thống chợ, khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng phục vụ du lịch.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ (Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Ngoài việc tổ chức thực hiện các giải pháp cụ thể từng ngành, từng lĩnh vực, huyện phải tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Giải pháp về lựa chọn các lĩnh vực phát triển chủ lực tạo bước đột phá

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển các ngành, các lĩnh vực có lợi thế so sánh như: lúa gạo, cây ăn trái, hoa màu, thủy sản, công nghiệp chế biến, hệ thống thương mại, siêu thị, du lịch, dịch vụ y tế.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới kết hợp với phát triển đô thị nhằm tạo thế phát triển bền vững; đặc biệt quan tâm bảo vệ môi trường và thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, cải cách hành chính, phát triển kinh tế đối ngoại, xúc tiến thị trường nhằm nâng cao năng lực thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao, thương mại, dịch vụ và công nghiệp.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư: để đạt được những mục tiêu đề ra trong quy hoạch, nhu cầu vốn đầu tư dự kiến 26.811,99 tỷ đồng (giá hiện hành). Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, huyện cần có các giải pháp huy động nguồn vốn từ nhân dân và doanh nghiệp.

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương và tỉnh: kiên nghị trung ương và tỉnh trong việc ghi vốn các công trình và sớm đầu tư theo kế hoạch; tích cực phối hợp trong việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tạo điều kiện cho các đơn vị tuân thủ thi công thực hiện đầu tư trên địa bàn.

- Đối với nguồn vốn ngân sách huyện: phân bổ, tính toán tiến độ và phân kỳ đầu tư để ghi vốn các công trình một cách hợp lý; ưu tiên các công trình có tính chất thúc đẩy đầu tư; tăng khả năng tiếp nhận, giải ngân nguồn vốn đầu tư theo đúng tiến độ; sử dụng đất đai như nguồn vốn phát triển.

- Đối với nguồn vốn trong dân: khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tăng vốn đầu tư, liên kết, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn; phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh xúc tiến đầu tư toàn diện công nghiệp, thương mại.

3. Giải pháp về thực hiện các nhóm cơ chế, chính sách đòn bẩy

- Về đất đai: nghiên cứu vận dụng một số cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi trong chuyển mục đích sử dụng đất; khuyến khích các nhà đầu tư tự thoả thuận sang nhượng quyền sử dụng đất, khẩn trương hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; quy hoạch chi tiết các khu đô thị, trung tâm xã, khu dân cư, khu, cụm công nghiệp, siêu thị, bệnh viện tư nhân và khu nghỉ dưỡng, hệ thống khách sạn, nhà hàng, kho tàng, bến bãi... để làm cơ sở lập các dự án đầu tư.

- Về tài chính ngân sách: thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo nguồn, tăng thu ngân sách; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong chi tiêu công; tập trung vốn đầu tư các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.

- Về đào tạo nguồn nhân lực: phát triển mạng lưới trường nghề, huy động tổng hợp năng lực dạy nghề trong và ngoài địa bàn, thực hiện dạy nghề theo nhu cầu thị trường, theo địa chỉ; tập trung đào tạo nhân lực cho nông thôn, kết hợp dạy nghề với tư vấn và hỗ trợ việc làm cho khu vực nông thôn; xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề; khuyến khích người lao động phát huy tối đa sức lực, trí tuệ, nâng cao hiệu quả lao động; quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; có biện pháp thu hút nguồn lao động chất lượng cao.

4. Giải pháp về hợp tác, liên kết đầu tư: tăng cường hợp tác, liên kết chặt chẽ với các địa phương trong và ngoài tỉnh trong thu hút đầu tư, trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án khai thác vốn từ quỹ đất, các dự án đầu tư dưới hình thức BT, BOT, BTO...

5. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, các địa phương trong công tác đưa tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ phát triển sản xuất. Nâng cao chất lượng công tác ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

- Thông qua các tổ chức khuyến nông, khuyến công và các phương tiện thông tin để đưa thông tin khoa học - công nghệ đến nông thôn.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học và huy động đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ mới phục vụ sản xuất và đời sống.

6. Giải pháp về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các chương trình về bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất, khoáng sản.

- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường kết hợp với công tác kế hoạch hóa và cân đối các nguồn lực, tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Có biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là khu vực đô thị và khu sản xuất công nghiệp tập trung.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Uỷ ban nhân dân huyện phải tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2020 được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành và các dự án đầu tư trên địa bàn.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- TT/Tỉnh ủy, TT/HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2020)

TT	TÊN ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
A	CÁC ĐỀ ÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN HUYỆN
1	Đề án phát triển nông nghiệp và nông thôn huyện Cao Lãnh, giai đoạn 2011 - 2015
2	Đề án phát triển trạm bơm điện, giai đoạn 2011 - 2015 (các Tiểu dự án thuỷ lợi hoá)
3	Đề án phát triển thương mại, giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020
4	Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, giai đoạn 2011 - 2015
5	Đề án phát triển giao thông vận tải, giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020
6	Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020
7	Kế hoạch phát triển thị trấn Mỹ Thọ đạt đô thị loại IV, giai đoạn 2011 - 2015
8	Kế hoạch phát triển khu Trung tâm xã Mỹ Hiệp đạt đô thị loại V, giai đoạn 2011 - 2015
9	Đề án đào tạo nguồn nhân lực, giai đoạn 2011 - 2015
10	Đề án phát triển ngành nghề nông thôn, giai đoạn 2011 - 2015
11	Đề án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, giai đoạn 2011 - 2015
12	Kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số, giai đoạn 2011 - 2020
13	Đề án xây dựng đồi sống văn hoá, giai đoạn 2011 - 2015.
14	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em, giai đoạn 2011 - 215
15	Đề án phát triển thanh niên huyện Cao Lãnh, giai đoạn 2011 - 2015
16	Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới, giai đoạn 2011 - 2015.
B	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ
I	Lĩnh vực thương mại - dịch vụ và du lịch
1	Dự án mở rộng chợ thị trấn Mỹ Thọ
2	Dự án xây dựng 2 siêu thị (TT Mỹ Thọ và xã Mỹ Hiệp)
3	Dự án xây dựng Trung tâm dịch vụ Thương mại Mê Kông

4	Chợ chuyên doanh gia súc An Bình
5	Hệ thống chợ nông thôn (Nhà Hay, Cây Đồng, Bình Hàng Trung)
6	Hệ thống khách sạn, nhà hàng (Mỹ Long, Mỹ Hiệp, Bình Thạnh)
7	Dự án khu nghỉ dưỡng (Cù Lao - TT Mỹ Thọ)
8	Dự án mở rộng các khu du lịch (Gáo Giồng, Bình Thạnh, chùa Bửu Lâm, căn cứ Xéo Quýt, Tràm Dơi)
9	Dự án xây dựng cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp (Cầu Đá)
10	Dự án xây dựng các bến khách và hàng hóa đường thủy
II	Lĩnh vực công nghiệp
1	Dự án xây dựng khu công nghiệp Ba Sao
2	Dự án xây dựng cụm công nghiệp 3/2 (TT Mỹ Thọ)
3	Dự án xây dựng các cơ sở dịch vụ mới theo các khu, cụm công nghiệp
4	Dự án bố trí, sắp xếp các cơ sở công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp
III	Lĩnh vực hạ tầng và phát triển đô thị
1	Kế hoạch nâng cấp thị trấn Mỹ Thọ lên đô thị loại IV (giai đoạn 2011 -2015)
2	Kế hoạch xây dựng trung tâm xã Mỹ Hiệp thành đô thị loại V (giai đoạn 2011 -2015)
3	Dự án xây dựng các Trung tâm xã thành thị tứ (Phương Trà, Bình Hàng Trung, Phong Mỹ, Tân Hội Trung)
4	Dự án xây dựng các tuyến, điểm dân cư: Quảng Khánh - Phương Trà; Miếu Trắng (Bình Thạnh); khu tái định cư thị trấn Mỹ Thọ; xây dựng một số tuyến, điểm dân cư tại các đoạn đường mới của Quốc lộ, Tỉnh lộ.
IV	Lĩnh vực văn hóa - xã hội
1	Dự án xây dựng 2 bệnh viện tư nhân
2	Các dự án xã hội hóa về y tế
3	Các dự án xã hội hóa về giáo dục - đào tạo
4	Các dự án xã hội hóa văn hóa - thể thao
5	Xây dựng và nâng cấp bãi rác (Đập đá)
6	Cải tạo hệ thống thoát nước và xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng tại các khu tập trung

Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.